

Bản tin chứng khoán

Trong số này

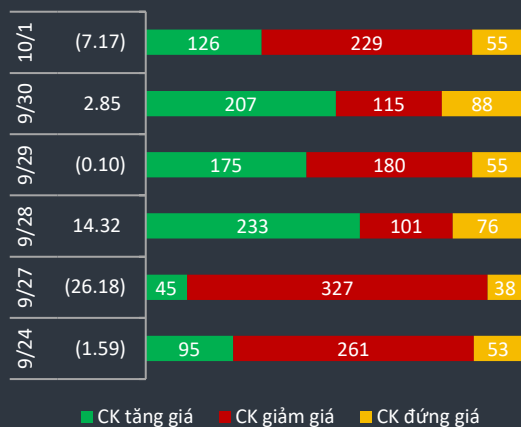
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

VNM	53.57
DCM	32.62
GAS	26.23
FUEVFNVD	19.87
PNJ	14.07
PTB	13.17
KBC	(37.34)
CSV	(37.74)
HPG	(38.00)
VRE	(49.55)
VIC	(49.83)
VHM	(69.46)
VCB	(87.21)
MSN(108.82)	

Diễn biến khá xấu của chứng khoán thế giới đêm qua và sáng nay đã ảnh hưởng đáng kể đến tâm lý thị trường trong nước. Ngay từ đầu phiên thị trường đã có biểu hiện suy yếu khi áp lực bán đè mạnh ở nhóm blue chip và ngân hàng. Càng về cuối phiên áp lực bán càng gia tăng ép chỉ số Vnindex mất hơn 7 điểm. Đây gần như là mức giảm sâu nhất trong ngày, riêng chỉ số VN30 mất hơn 11 điểm.

Nhóm VN30 chỉ có 1/3 mã xanh trong đó đứng đầu duy nhất có GAS tăng 6.7%, mã đứng thứ nhì PDR, TPB, POW xanh khoảng 2.5%. Ngược lại những mã giảm mạnh nhất hầu hết đến từ cổ phiếu ngân hàng như STB, VPB, HDB, CTG và có thêm VRE -3.1%, SSI -3.6%.

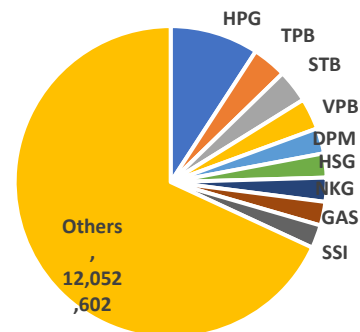
Cổ phiếu ngân hàng và chứng khoán nằm trong nhóm điều chỉnh nhiều nhất trong đó nhóm ngân hàng chỉ có 2 mã xanh là TPB và NVB còn lại đều giảm từ 1% - 4%. Nặng nhất là STB, kế tiếp là LPB, EIB, OCB. OCB mất đến -3.1% dù có thời điểm xanh lên 24.1. Cổ phiếu chứng khoán cũng một màu ảm đạm với hầu hết đều giảm mạnh đặc biệt là nhóm chứng khoán lớn như SSI, VCI, CTS, VDS, HCM giảm từ 2% - 4%. Nhìn từ nay đến cuối năm nhóm ngân hàng sẽ không có nhiều sóng lớn và hầu hết sẽ đi ngang hoặc điều chỉnh.

Dù vậy thị trường vẫn có những điểm sáng ở nhóm dầu khí và phân bón. GAS gây chú ý nhất khi hiếm hoi tăng gần sát mức trần 103.5. Hàng loạt mã dầu khí tăng nóng như PGC, CNG, TDG, ASP, PVD, PVG ... Nhóm phân bón tiếp tục phiên thứ ba liên tiếp bức tốc mạnh mẽ đi ngược thị trường. DCM thậm chí chạm giá trần trong phiên, BFC 5.1%, DPM xanh tiếp 3.5%. Cổ phiếu ngành thép không quá nóng và giữ mức xanh nhẹ ở các mã HPG, HSG, NKG.

Khối ngoại trong tuần vừa qua bán ròng khoảng 1000 tỷ đồng trong đó HPG bán ròng nhiều nhất khoảng 370 tỷ cùng với VIC, VCB, HDB. Phía mua ròng đáng chú ý VNM gần 400 tỷ, HSG, VHC, DCM, HCM.

Vnindex 1,334.89

▼ -7.17 (-0.53%)



Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
GAS	103.5	6,500	6.70
PDR	84.0	2,200	2.69
TPB	42.6	1,000	2.40
POW	12.2	250	2.09
REE	65.9	700	1.07
HPG	53.4	500	0.95
VJC	128.8	900	0.70
PLX	51.9	300	0.58
GVR	36.1	200	0.56
PNJ	99.0	300	0.30
VNM	89.8	200	0.22
NVL	102.0	-	-
DHG	99.8	(100)	(0.10)
FPT	92.9	(100)	(0.11)
ACB	31.5	(50)	(0.16)
VIC	87.7	(300)	(0.34)
HVN	24.9	(100)	(0.40)
BVH	57.9	(500)	(0.86)
TCB	49.0	(600)	(1.21)
MWG	126.2	(1,600)	(1.25)
VCB	95.9	(1,300)	(1.34)
BCM	44.0	(600)	(1.35)
SAB	154.2	(2,200)	(1.41)
MBB	27.5	(400)	(1.44)
BID	38.8	(650)	(1.65)
VHM	77.0	(1,300)	(1.66)
MSN	140.0	(2,600)	(1.82)
CTG	29.8	(650)	(2.14)
HDB	24.9	(550)	(2.17)
VIB	34.3	(1,050)	(2.97)
VPB	63.9	(2,000)	(3.03)
VRE	28.2	(900)	(3.09)
SSI	39.2	(1,450)	(3.57)
STB	24.7	(1,000)	(3.89)

Thị trường phiên cuối tuần tiếp tục giảm về 1334 điểm. tính chung cả tuần chỉ số Vnindex đã giảm khoảng 17 điểm so với cuối tuần trước. Dù thanh khoản chung có phần sụt giảm nhưng không quá đáng lo ngại và vẫn có những nhóm ngành tạo sóng tốt mà nổi bật nhất tuần này là dầu khí và phân đạm bên cạnh các nhóm ngành bán lẻ, thép vẫn duy trì nền giá tăng trưởng tốt. Có thể hy vọng tuần sau thị trường sẽ có nhiều khởi sắc hơn sẽ kéo thanh khoản chung gia tăng trở lại. Các nhịp điều chỉnh như phiên hôm nay vẫn là cơ hội để nhà đầu tư tích lũy dần cổ phiếu. Các nhóm cổ phiếu ưu tiên nắm giữ hiện tại: OCB, VPB, HPG, NKG, DPM, DCM, DGW, MWG, GAS, LCG, DPR, GVR. VCI.

Thép: HPG, HSG, NKG

Phân đạm: DCM, DPM

Bán lẻ: DGW, FRT, MWG

Ngân hàng: OCB, TPB, VPB

Các ngành khác: GVR, FPT, SZC, VCI, DPR, BVH, ABI, LCG

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
LCG	18.5	(1.6)	15	24	Mua vào quanh 18	9/28/2021	2.8%
DPR	71.6	7.0	57	75	Mua vào quanh 65-67	9/21/2021	6.9%
IDC	52.6	6.0	45	65	Mua vào quanh 50-52	9/21/2021	5.2%
REE	65.9	1.1	50	65	Nắm giữ	7/12/2021	29.2%
GVR	36.1	(2.4)	28	38	Nắm giữ, lưu ý ngưỡng kháng cự 38	7/12/2021	22.8%
HCM	50.5	(7.3)	44	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 52-53	7/12/2021	12.2%
VCI	57.7	(7.7)	47	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 62	7/12/2021	17.8%
SSI	39.2	(6.2)	45	70	Nắm giữ	7/12/2021	18.8%
MBB	27.5	(4.4)	25	35	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 28	7/12/2021	-5.2%
OCB	23.2	(6.1)	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 20-22	7/12/2021	0.9%
HPG	53.4	5.1	44	65	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 45	7/12/2021	18.7%
KBC	42.7	(3.3)	32	45	Mua quanh 35-37	8/28/2021	9.5%
DGW	119.9	3.2	120	170	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 110	3/3/2021	139.8%
MWG	126.2	(3.3)	130	190	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 120	2/3/2021	48.5%

DBC - Công ty cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

Price: 56,000

Báo cáo sớm kết quả kinh doanh 9 tháng



Giá mục tiêu	65,000 (+16%)
Lợi nhuận 2021F	1000 tỷ
EPS forecast	8,670
PE forecast	6.6
Ngưỡng hỗ trợ	52,000
Ngưỡng kháng cự	70,000



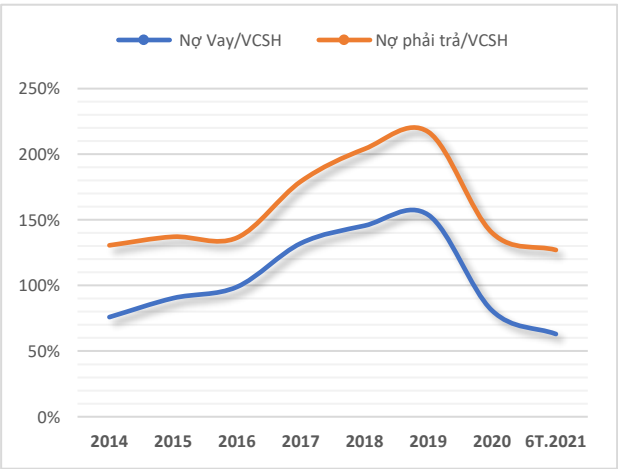
Doanh thu tăng nhưng lợi nhuận giảm so cùng kỳ

CTCP Tập đoàn Dabaco Việt Nam (DBC) báo cáo sớm kết quả quý III đạt 4.133 tỷ đồng doanh thu, tăng 56% so với cùng kỳ năm ngoái trong khi lợi nhuận sau thuế lại giảm 64% còn 138 tỷ đồng.

Lũy kế 9 tháng, Dabaco ước đạt **13.669 tỷ** đồng doanh thu, tăng gần 85% so với 9 tháng năm ngoái. Lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt **718** tỷ đồng; giảm gần 37%. Dù lợi nhuận sụt giảm so với đỉnh cao năm ngoái song so với kế hoạch năm nay, Dabaco đã thực hiện được lần lượt 88,5% chỉ tiêu doanh thu và 87% kế hoạch lợi nhuận.

Những tháng gần đây, do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 nên tiêu thụ lợn gặp nhiều khó khăn. Nhu cầu tiêu thụ giảm khiến giá thịt lợn giảm mạnh. Cuối tháng 8, giá lợn xuất chuồng ở mức 51.000-52.000 đồng/kg, hiện giảm còn 42.000 đồng/kg. Giá thịt lợn hơi xuất chuồng giảm nhưng giá thức ăn chăn nuôi lại tăng mạnh, thành ra những người chăn nuôi lợn cá thể đang chịu cảnh thua lỗ nặng. Theo Cục Chăn nuôi (Bộ NN-PTNT), từ đầu năm đến nay, giá thức ăn chăn nuôi đã tăng tới 8 lần, có loại tăng tới 9 lần, trung bình mỗi lần tăng từ 3-5% (khoảng 30-35%). Dịch Covid-19 đã gây khó khăn trong khâu nhập nguyên liệu, trong khi chi phí vận chuyển tăng từ 200-300%.

Dự báo doanh thu thuần của Dabaco ước đạt 15,800 tỷ đồng năm nay và lợi nhuận sau thuế khoảng 1000 tỷ đồng.



DBC	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	6T.2021
Doanh thu	5,119	5,791	6,256	5,855	6,674	7,187	10,022	5,070
Lợi nhuận	206	253	451	200	360	305	1,400	580
Lợi Nhuận Gộp	588	700	815	763	1,079	1,167	2,558	1,099
Chi phí lãi vay	(117)	(94)	(111)	(120)	(189)	(282)	(310)	(96)
KLCP DLH (triệu CP)	63	63	75	83	83	91	105	115
VCSH	1,830	1,946	2,339	2,503	2,747	3,026	4,207	4,670
Tổng Tài Sản	4,220	4,615	5,529	6,989	8,350	9,592	10,101	10,604
Book Value	29,171	31,023	31,068	30,218	33,163	33,216	40,157	40,528
EPS	3,280	4,030	5,993	2,416	4,350	3,349	13,366	10,675
LN ròng biên	4.0%	4.4%	7.2%	3.4%	5.4%	4.2%	14.0%	11.4%
ROE	11.2%	13.0%	19.3%	8.0%	13.1%	10.1%	33.3%	26.3%
Vay Ngắn Hạn	1,222	1,510	1,759	2,294	2,711	3,238	2,158	2,043
Vay Dài Hạn	168	249	555	1,013	1,287	1,415	1,244	899
Tổng Nợ vay	1,389	1,758	2,314	3,307	3,998	4,653	3,401	2,943
Nợ Vay/VCSH	75.9%	90.3%	98.9%	132.1%	145.6%	153.8%	80.9%	63.0%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

SFG	5.60
EVG	6.58
DCM	6.62
GAS	6.70
CRC	6.73
TNA	6.76
CSV	6.82
DLG	6.83
TDG	6.91
HSL	6.94
CNG	6.94
GSP	6.96
PGC	6.96
CLG	8.33
DIC	11.11
HTT	11.11
ATG	11.11

Top tăng giá HNX

BKC	8.43
AAV	8.45
LUT	8.51
VHL	9.09
APP	9.41
PGT	9.43
VLA	9.71
PVG	9.74
PGS	9.82
SDA	9.84
PSD	9.87
CSC	9.97
VIT	10.00
PCG	10.00
SGO	10.00
MPT	10.00
DPS	10.00
SJC	11.11
SPP	11.11
KSK	11.11
DNY	11.54
LTC	11.54
CTA	13.33
ASA	13.73
NDF	14.29
NHP	14.29
PVE	14.29

TAR - CTCP Nông nghiệp công nghệ cao – Đã thông qua chủ trương chuyển nhượng tài sản là quyền sử dụng lô đất gần 11.000 m2 tại quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ. Được biết, lô đất thuộc sở hữu TAR có vị trí đắc địa, nằm gần Vinpearl Cần Thơ, sát ngay con đường mới mở dọc ven bờ sông Hậu, nối dài từ bến Ninh Kiều, dự kiến hoàn thành quý II/2022.

APS - CTCP Chứng khoán châu Á - Thái Bình Dương - APEC dự kiến phát hành 1,1 triệu cổ phiếu ESOP với giá phát hành là 10.000 đồng/CP, tổng giá trị tương ứng là 11 tỷ đồng. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý IV sau khi được UBCKNN chấp thuận.

DMC - CTCP Xuất nhập khẩu Y Tế Domesco - Domesco sẽ trả cổ tức bằng tiền, tỷ lệ 25% (tương ứng 01 cổ phiếu được nhận 2.500 đồng). Thời gian thanh toán dự kiến vào ngày 10/12. Với hơn 34,7 triệu cổ phiếu đang lưu hành, Công ty sẽ phải chi gần 87 tỷ đồng để thanh toán cổ tức cho cổ đông.

NVL - CTCP Tập đoàn đầu tư địa ốc No Va – Novaland thông qua nghị quyết góp vốn 1.000 tỷ đồng vào Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Bất động sản Khánh An. Sau khi hoàn tất việc góp vốn, Novaland sẽ nắm 57,877% vốn điều lệ của Khánh An.

TDH - CTCP Phát triển Nhà Thủ Đức - Công ty dự kiến toán toàn bộ 12.916.126 cổ phiếu tại CTCP Phát triển Nhà Daewon – Thủ Đức, tương đương 40% vốn điều lệ với giá chuyển nhượng dự kiến là 81,6 tỷ đồng. Thời gian chuyển nhượng dự kiến trong vòng 2 tháng kể từ ngày thông qua kế hoạch.

DLG - CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai - Dự kiến thoái vốn và chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại 2 Công ty con là CTCP Năng lượng Tân Thượng và CTCP Đầu tư và kinh doanh bất động sản Đức Long Gia Lai.

SBT - CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa - Ước lãi trước thuế 750 tỷ đồng trong niên độ 2021 - 2022, giảm 4%. Cho NĐTC 2021 - 2022 (từ 01/07/2021 - 30/06/2022), SBT dự kiến doanh thu ước đạt 16.905 tỷ đồng, tăng trưởng 13% so với NĐTC trước; song lãi trước thuế dự kiến đi lùi 4% về còn 750 tỷ đồng.

D2D - CTCP Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2 - Ngày 28/9, công ty thực hiện góp bổ sung 1,01 tỷ đồng vào CTCP BOT 319 Cường Thuận CTI. Như vậy, sau góp vốn, công ty góp tổng cộng 20,25 tỷ đồng vào CTCP BOT 319 Cường Thuận CTI, tương đương 10% vốn điều lệ.

TGG - CTCP Louis Capital – Đã thông qua chủ trương mua hơn 29,17 triệu cổ phần của CTCP Thương mại du lịch Tân Thành, tương ứng tỷ lệ sở hữu 40%, với giá mua 10.000 đồng/cổ phần.

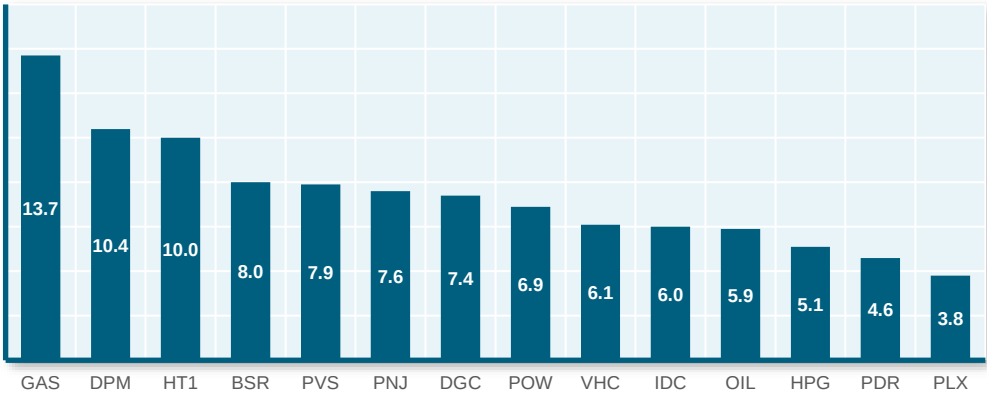


Kế hoạch tăng vốn các ngân hàng

Ngân hàng	Tỷ lệ	Hình thức	Nội dung	Vốn tăng lên
VCB	8%	Tiền mặt	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm trước	50,000
	27.60%	Cổ phiếu		
CTG	29%	Cổ phiếu	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2017-2019	48,000
	12.6% - 17.7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
	5%	Tiền mặt	Cổ tức năm 2020	
BID	5.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	48,524
	7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
MBB	35%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	38,676
ACB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	27,019
SHB	10%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	26,674
	10.50%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
HDB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	20,111
VIB	40%	Cổ phiếu	Cổ tức thương	16,000
MSB	30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	15,275
SSB	9.12%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,700
OCB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,449
BAB	6.30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	7,530
NAB	10.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	4,564
KLB	13%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,653
SGB	5%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,234



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thông kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	63.9	8,924,700	12.6	2.6	152,250	152,250	156,986	19.01	5,056	24,447
VIB	HOSE	34.3	1,665,800	6.1	2.5	636,520	636,520	53,273	20.50	5,638	13,552
VCB	UPCOM	95.9	1,611,900	17.3	3.4	1,640,548	2,545,848	355,681	23.58	5,532	28,293
VBB	HNX	16.8	36,163	20.2	1.5	-	-	8,025	0.01	830	11,579
VAB	HOSE	16.9	663,988	14.1	1.2	-	4,000	7,520	-	1,196	13,597
TPB	HOSE	42.6	14,912,000	9.3	2.3	522,329	522,329	45,653	30.00	4,565	18,925
TCB	HOSE	49.0	6,502,800	10.6	2.0	20,000	20,400	171,740	22.49	4,614	23,938
STB	UPCOM	24.7	24,145,000	12.9	1.5	659,184	670,084	46,565	15.74	1,922	16,846
SSB	HOSE	35.9	2,032,900	20.8	2.9	8,100	8,100	48,128	0.01	1,723	12,310
SHB	HOSE	26.1	13,507,049	12.0	1.9	581,170	550,870	50,257	3.98	2,183	14,014
SGB	HNX	17.3	176,319		1.4	1,000	-	5,328	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	22.9	98,151	31.0	1.7	-	-	6,870	15.00	739	13,529
OCB	HNX	23.2	2,180,900	6.1	1.3	525,100	510,100	25,370	22.00	3,799	17,827
NVB	HOSE	29.0	297,620	141.5	2.7	-	3,800	11,797	8.52	205	10,726
NAB	HOSE	19.5	186,928	5.8	1.2	-	-	8,901	0.01	3,367	16,324
MSB	HOSE	28.8	6,496,000	8.8	1.6	12,830,600	12,830,600	33,840	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	27.5	13,536,400	7.1	1.4	4,949,511	5,452,911	103,715	23.22	3,897	19,986
LPB	HOSE	20.9	7,772,300	8.1	1.4	39,100	60,700	25,155	3.61	2,591	14,466
KLB	HOSE	21.9	878,104	10.8	1.6	-	-	7,006	0.01	2,035	14,117
HDB	HOSE	24.9	2,094,800	6.5	1.4	1,021,650	1,795,150	39,980	17.83	3,854	17,399
EIB	HOSE	22.9	163,400	26.2	1.6	133,162	116,062	28,232	29.73	874	14,061
CTG	HOSE	29.8	12,094,000	6.8	1.2	1,533,497	2,393,997	142,971	24.64	4,394	25,028
BVB	HOSE	20.4	2,477,097	17.6	1.6	-	-	7,489	0.08	1,157	12,737
BID	HOSE	38.8	1,658,100	15.4	1.8	266,810	549,510	156,054	16.64	2,512	21,036
BAB	HOSE	21.8	51,500	22.9	1.8	-	-	15,445	-	950	12,242
ACB	HOSE	31.5	6,441,900	6.8	2.1	29,803	29,803	85,111	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	20.6	1,924,284	7.4	1.2	-	-	11,769	30.00	2,801	16,671
			132,530,103	17.87	1.81	25,550,334	28,853,034	1,658,863		2,766	16,602



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	SGC	HNX	18/10/2021	19/10/2021	3/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	E29	UPCoM	18/10/2021	19/10/2021	29/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	VMC	HNX	14/10/2021	15/10/2021	1/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	NDN	HNX	14/10/2021	15/10/2021	29/10/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	GVR	HOSE	13/10/2021	14/10/2021	28/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	TNP	UPCoM	11/10/2021	12/10/2021	1/11/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	TVS	HOSE	11/10/2021	12/10/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 1000:74	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
8	TVS	HOSE	11/10/2021	12/10/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 1000:16	Thưởng cổ phiếu
9	HCM	HOSE	11/10/2021	12/10/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 2:1, giá 14,000 đồng/CP	Phát hành thêm
10	VMS	HNX	8/10/2021	11/10/2021	26/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	SGN	HOSE	8/10/2021	11/10/2021	25/10/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	DNA	UPCoM	8/10/2021	11/10/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
13	GKM	HNX	7/10/2021	8/10/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
14	SRC	HOSE	7/10/2021	8/10/2021	20/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	MCP	HOSE	7/10/2021	8/10/2021	25/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 785 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	MSB	HOSE	7/10/2021	8/10/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:30	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
17	TV4	HNX	6/10/2021	7/10/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:12	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	DAS	UPCoM	6/10/2021	7/10/2021	22/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	API	HNX	5/10/2021	6/10/2021	29/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	BPC	HNX	5/10/2021	6/10/2021	29/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	DVN	UPCoM	5/10/2021	6/10/2021	3/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	TKA	UPCoM	5/10/2021	6/10/2021	14/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	HD8	UPCoM	4/10/2021	5/10/2021	21/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	SZE	UPCoM	4/10/2021	5/10/2021	19/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	SC5	HOSE	4/10/2021	5/10/2021	21/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	DND	UPCoM	1/10/2021	4/10/2021	25/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	SVT	HOSE	1/10/2021	4/10/2021	19/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	PPS	HNX	1/10/2021	4/10/2021	21/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931